TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 22/3/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tuấn Thịnh
2. Ông Nguyễn Viết Khoản

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thanh Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 05/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 24/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B
Địa chỉ trụ sở: Số H đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B, chi nhánh Lào Cai.
Địa chỉ: Số 151, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Theo giấy ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-PC ngày 20/6/2017
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Xuân M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B phòng giao dịch B.
Địa chỉ: Đường C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo giấy ủy quyền số: 498/2021/UQ-CN Lào Cai ngày 05/10/2021. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Địa chỉ cũ Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30 tháng 9 năm 2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần B, Chi nhánh Lào Cai cho anh Nguyễn Bá T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/300916/04/170. Số tiền Ngân hàng cho vay là 100.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích cho vay tiêu dùng mua sắm đồ gia dụng, lãi suất cho vay 14,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng theo lịch trả nợ gốc do Ngân hàng Thương mại cổ phần B lập, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ gốc thực tế. Quá trình thực hiện Hợp đồng anh Nguyễn Bá T đã trả được số tiền gốc là 55.011.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 29.691.191 đồng. Đến phân kỳ trả tiền gốc ngày 20/6/2019 anh Tùng không trả nợ, Ngân hàng đã thông báo về việc thu hồi nợ nhưng anh vẫn không trả. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với anh Nguyễn Bá T và đơn vị nơi anh Nguyễn Bá T công tác đôn đốc nhắc nhở để anh Nguyễn Bá T thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh Tùng đã nghỉ việc ở đơn vị và vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần B đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Bá T phải trả số tiền đã vay và lãi suất tạm tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 tổng số tiền là: 68.927.518 đồng, trong đó: Nợ gốc là 44.989.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.737.570 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.200.948 đồng và tiếp tục trả nợ lãi, lãi chậm trả phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 02/300916/04/170 ngày 30/9/2016.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Bá T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt các giấy tờ tố tụng của Toà án cho anh Nguyễn Bá T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Bá T không có văn bản trả lời, cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì. Đối với vụ án này Toà án không hoà giải được do vắng mặt bị đơn. Tại phiên toà đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 91; 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Bá T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc 44.989.000 đồng và tiền lãi trong hạn 7.737.570 đồng, lãi quá hạn 16.200.948 đồng. Tổng cộng là 68.927.518 đồng và buộc anh Tùng phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với anh Nguyễn Bá T. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Nguyễn Bá T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/300916/04/170 ngày 30/9/2016, anh Nguyễn Bá T vay Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay 60 tháng, hợp đồng được giao kết tự nguyện và hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu về quá trình trả nợ thì anh T đã trả được số tiền gốc là 55.011.000 đồng và số tiền lãi là 29.691.191 đồng, cuối tháng 6/2019 đến phân kỳ trả nợ anh không trả được nợ, anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 của hợp đồng. Căn cứ Điều 7 Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn. Trước khi thu hồi nợ Ngân hàng đã thông báo cho anh biết nhưng anh không trả được nợ. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, buộc anh T phải trả số tiền vay còn nợ là 44.989.000 đồng tiền lãi từ ngày 20/6/2019 đến nay.

[3]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của hợp đồng tín dụng:

Theo thoả thuận tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng thì các bên thoả thuận lãi suất cho vay trong hạn là 14,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã cung cấp bảng kê tính tiền lãi từ ngày 20/6/2019 đến thời điểm xét xử ngày 22/3/2022 trong đó nợ lãi trong hạn: 7.737.570 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.200.948 đồng. Xét thấy bảng kê tính lãi của Ngân hàng là chính xác và phù hợp với các thoả thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc anh Nguyễn Bá T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền: Nợ gốc: 44.989.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.737.570 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.200.948 đồng, tổng cộng là: 68.927.518 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, anh Nguyễn Bá T còn phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc anh Nguyễn Bá T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/300916/04/170 ngày 30/9/2016 gồm: tiền gốc 44.989.000 đồng, tiền lãi trong hạn 7.737.570 đồng, tiền lãi quá hạn 16.200.948 đồng. Tổng cộng 68.927.518 đồng *(sáu mươi tám triệu, chín trăm hai mươi bẩy ngàn, năm trăm mười tám đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Bá T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/300916/04/170 ngày 30/9/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Bá T phải chịu 3.446.375 đồng *(ba triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm bẩy mươi lăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.594.000 đồng *(Một triệu, năm trăm chín mươi tư ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002725 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện BT (2);
- Đương sự (02);
- Chi cục THADS huyện BT;
- Lưu hồ sơ, VP, TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng